TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN L
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **186/**2018/QĐST-VHNGĐ

L, ngày 17 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: **205/**2018/TLST-VHNGĐ ngày 06/4/2018 giữa:

- Người yêu cầu: Anh Trần Văn H – Sinh năm: 1970

Địa chỉ: Phòng 209, 210 tầng 2 Chung cư cơ khí Đ, ngõ 104 đường Đ1, quận L, TP. Hà Nội.

Và: Chị Trần Thị Minh H1 – Sinh năm: 1970

Địa chỉ: Phòng 11 , Tầng 24 Tòa nhà T, phường M, quận H2, Tp. Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 397, Điều 212, Điều 213, Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **09/5/2018**.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **09/5/2018** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07 (Bảy)** ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Trần Văn H và chị Trần Thị Minh H1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: Xác định anh Trần Văn H và chị Trần Thị Minh H1 có 03 (Ba) con chung là cháu Trần Quang A – Sinh ngày: 17/02/2007, cháu Trần Tùng L1 – Sinh ngày: 30/9/1992 và cháu Trần Tùng L2 – Sinh ngày: 06/02/1996. Sau khi ly hôn, anh H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu A; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của chị H1 đến khi có quyết định khác thay thế.

Đối với các cháu L1 và L2 do đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên việc các cháu ở với ai là quyền của các cháu, anh chị không yêu cầu, Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2. *Về tài sản chung và công nợ*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về lệ phí: Anh Trần Văn H và chị Trần Thị Minh H1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh chị đã nộp theo biên lai số **0297** và **0298** ngày 06/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận L, TP. Hà Nội. Xác nhận anh H và chị H1 đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận L;
- Chi cục thi hành án quận L;
- Ủy ban nhân dân phường Đ2, quận H3, Hà Nội (18/6/1992);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Nguyệt